

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN H

TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 107 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 06 - 6 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Công Kiều

Bà Phan Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXX- ST ngày 06 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐHPT- ST ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ph - sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu H, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.(có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu H, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Ph yêu cầu giải quyết vụ án với bị đơn anh Nguyễn Văn T như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn T, tự nguyện kết hôn vào năm 2006, việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Th (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn), huyện H, Thanh Hóa, cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống, anh T

thường xuyên rượu say, nhiều lần chửi bới thô tục, đánh đập chị Ph vô cớ và thậm chí còn tuyên bố đe dọa nếu chị Ph ly hôn sẽ mua quan tài cho chị và các con. Việc mâu thuẫn đã nhiều năm nhưng chị cố gắng chịu đựng để xây dựng hạnh phúc gia đình, nên nhiều lần chị Ph tha thứ cho anh T vì những hành động thô bạo của anh, nhưng qua thời gian anh T vẫn không thay đổi tính tình, thậm chí còn chửi bới, đe dọa đánh đập chị nhiều lần hơn, chính vì lo anh T đe dọa, đánh đập sẽ ảnh hưởng đến tính mạng nên chị Ph đã đưa các con trốn nhà ra đi để tìm nơi khác sinh sống, bảo đảm an toàn cho chị và các cháu. Tại phiên tòa anh T muốn níu kéo để cải thiện tình cảm vợ chồng, nhưng quan điểm của chị Ph là không muốn quay về đoàn tụ, vì trong thời gian ly thân, mỗi khi anh T gọi điện cho chị, anh T đều có lời nói đe dọa, chửi bới chị và các cháu, thậm chí còn gửi ảnh khóa thân vào máy điện thoại cho chị và con gái xem. Vì vậy, chị tha thiết xin được ly hôn với anh T để mỗi bên có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung. Cháu đầu là Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 06/5/2008; cháu thứ hai là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 25/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 17/11/2013. Nay nguyện vọng của chị Ph xin nuôi dưỡng cả 03 cháu không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Để chứng minh thu nhập hàng tháng, chị Ph đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động tại Công ty TNHH H - N (đã được mã hóa vì lý do bảo mật thông tin) và mức lương thu nhập hàng tháng trong ba tháng liền kề, mỗi tháng là 11.249.500đ. Hơn nữa nguyện vọng của các cháu cũng mong muốn được ở cùng chị Ph, vì theo lời trình bày của các cháu, mỗi khi anh T uống rượu về thì anh T có hành vi chửi bới, đe dọa, đánh đập, đốt xe máy, bắt các cháu phải chứng kiến, thậm chí anh còn hát nhạc đám ma cả đêm, dẫn đến các cháu sợ phải gặp lại anh, ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của các cháu.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh có quan điểm trình bày:

Về hôn nhân, sau khi kết hôn vào năm 2006, anh T và chị Ph sống hòa thuận. Trong cuộc sống vợ, chồng đôi khi có bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức trầm trọng. Năm 2021 do dịch đã nên công việc làm ăn buôn bán thua lỗ, sau dẫn tới vợ chồng bất đồng về kinh tế, có lời qua tiếng lại với nhau, có lần nóng giận, bức xúc quá nên có chửi bới và đánh chị Ph, nhưng sau đó vợ chồng lại bình thường. Ngày 13/01/2021 vợ chồng mâu thuẫn nên chị Ph đã bỏ nhà đi và mang theo các con cùng đi hiện tại anh không biết chị Ph và các con ở chỗ nào. Nay chị Ph làm đơn ly hôn thì anh không đồng ý, nguyện vọng của anh là mong muốn Tòa án tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, vì anh và chị Ph đều là Công giáo nên việc ly hôn thì không được phép mà chỉ được ly thân. Tại phiên tòa chị Ph đề nghị giải quyết ly hôn là việc của chị Ph còn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị Ph có 03 con chung như trên. Tuy nhiên nếu trường hợp vợ chồng không thể đoàn tụ thì nguyện vọng của anh xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 25/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Hồng

Nh, sinh ngày 17/11/2013, còn cháu đầu là Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 06/5/2008 vì cháu đã lớn thì giao cho chị Ph nuôi dưỡng. Về điều kiện thu nhập thực tế anh trình bày, công việc chính hàng ngày của anh là làm trang trại, làm cây cảnh, làm xây dựng, mức thu nhập hàng tháng cũng khoảng 10 triệu đồng. Vì vậy, việc nuôi con không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng, anh cũng cung cấp giấy xác nhận và bảng lương thu nhập tại Công Ty ASEAN trong 3 tháng liền kề nhưng không có hợp đồng lao động tại Công ty vì anh chỉ lao động theo mùa vụ. Ngoài ra anh còn trình bày, nếu giao con cho chị Ph nuôi dưỡng thì không bảo đảm cuộc sống của các cháu, vì chị Ph và các cháu không có chỗ ở, phải đi thuê, trong khi anh có nhà ở ngoài trang trại. Tuy các cháu đều có nguyện vọng ở với chị Ph nhưng ý kiến của các cháu là do chị Ph đọc cho viết không phải là ý của các cháu nên không khách quan.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nơi anh, chị cư trú. Cán bộ địa phương nơi anh T, chị Ph sinh sống cho biết. Anh T làm nghề trang trại, buôn cây cảnh, nhưng làm ăn thua lỗ, vay tiền bạn bè, chửi bới, đánh đập chị Ph, đã nhiều lần cán bộ địa phương và ban thôn can thiệp và hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Anh T đã bị Ủy ban nhân dân thị trấn xử lý hành chính 3 lần. Hiện tại chị Ph cùng các con bỏ nhà đi mà không thấy quay về nhà.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph, xử cho chị Ph được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả ba cháu cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Ph không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016. Của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Ph phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn H), việc kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm các quy định về độ tuổi, về điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Việc kết hôn giữa anh T và chị Ph trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2017 đến nay, anh chị mới về quê làm ăn, sinh sống tại nơi chị Ph sinh ra, việc làm ăn của anh, chị không thuận lợi nên xảy ra mâu thuẫn gia đình là thực tế. Đặc biệt là thời gian gần đây anh, chị luôn nảy sinh mâu thuẫn, như về cách ứng xử với nhau, về hoàn cảnh công việc của nhau. Nên mức độ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, dẫn tới việc chị Ph phải bỏ nhà đi mà không thông báo nơi cư trú để anh T biết. Lời trình bày của các con anh, chị cũng thể hiện nội dung anh T có hành vi sử dụng bạo lực gia đình với chị Ph. Như vậy lý do chị Ph giấu địa chỉ là có một phần lỗi do anh T có hành vi đe dọa sử dụng bạo lực, chửi bới chị Ph. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng đã thừa nhận có việc đánh đập, chửi bới chị Ph, mặc dù anh T tha thiết xin chị Ph trở về đoàn tụ vì lý do tôn giáo, nhưng thấy anh T và chị Ph đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài mà không có biện pháp cải thiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bằng chứng là chị Ph và các con bỏ nhà đi mà không mong muốn anh biết thông tin, địa chỉ nơi sinh sống. Nay dù không chấp nhận lý do ly hôn của chị Ph thì trên thực tế chị Ph đã không còn tình cảm với anh và không còn mong muốn duy trì đời sống hôn nhân. Như vậy, có căn cứ để chứng minh, mâu thuẫn phát sinh giữa chị Ph và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ph đối với anh T là phù hợp tình trạng hôn nhân của anh, chị như hiện nay.

[4] Về nguyện vọng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn T, sinh được 03 người con chung, cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 06/5/2008; cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 25/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 17/11/2013. Qua xem xét nguyện vọng của các cháu thì cả 03 cháu đều mong muốn ở với chị Ph, không mong muốn ở với anh T. Thấy nguyện vọng của các cháu là phù hợp với môi trường dưỡng dục do các cháu lựa chọn, vì bản thân anh T có hành vi bạo lực gia đình, uống rượu về hay chửi bới vợ con, thậm chí như các lời khai của các cháu còn đe dọa cho uống thuốc chuột, chứng kiến cảnh bố đánh chửi mẹ, đốt phá tài sản là ảnh hưởng đến tâm sinh lý, môi trường dưỡng dục cả về thể chất và tinh thần của các cháu, việc các cháu có lời khai trình bày sự việc là khách quan, phản ánh tình trạng phải sống trong cảnh lo âu, hoảng sợ. Nên việc không giao các cháu cho anh T nuôi dưỡng là có căn cứ và có lý do

chính đáng. Mặt khác, Tòa án yêu cầu anh chứng minh nguồn thu nhập nhưng các tài liệu xác nhận về thu nhập chưa đảm bảo tính khách quan, nhà cửa nơi anh chỉ sinh sống chỉ là nơi đất thuê. Lẽ ra cần buộc anh phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, tuy nhiên chị Ph không yêu cầu. Bên cạnh đó chị Ph cũng đã chứng minh có hợp đồng lao động, có nguồn thu nhập hàng tháng ổn định, tuy số tiền 11.249.500đ nếu chia đều cho 04 nhân khẩu thì mức sống không cao nhưng phần nào cũng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập cho các cháu. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng nuôi con của anh T như anh yêu cầu. Nay cần giao các cháu cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Ph và anh T không ai yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án). Buộc chị Ph phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này sẽ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021/ 0008851 ngày 15/3/ 2022. Do không phát sinh về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nên anh T không phải nộp án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 1 khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph, chị Ph được ly hôn với anh Nguyễn Văn T;

Về quyền nuôi con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung. Nay giao các cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 06/5/2008; cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 25/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 17/11/2013, cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Ph cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ph phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền

tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/ 0008851 ngày 15/3/ 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (chị Ph đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai có mặt các đương sự, chị Ph, anh T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Đương sự;
- Chi cục THADS H. (
- UBND thị trấn H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nghi